| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LONG THÀNH**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **99**/2022/QĐST-HNGĐ | *Long Thành, ngày 03 tháng 6 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 361, Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 393/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/ Ông Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1987

Địa chỉ: tổ 6, ấp 1B, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

Địa chỉ: tổ 6, ấp 1B, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị L thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông T, bà L 02 con chung là Huỳnh Ngọc T1 – sinh ngày 18/9/2011, Huỳnh Ngọc T2 – sinh ngày 29/8/2016. Ông T, bà L thỏa thuận ly hôn bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông T, bà L thỏa thuận ông Huỳnh Ngọc T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung, tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị L trình bày không có nợ chung.

[5] Về lệ phí: Ông T và bà L thống nhất mỗi người chịu ½ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị L có 02 con chung là Huỳnh Ngọc T1 – sinh ngày 18/9/2011, Huỳnh Ngọc T2 – sinh ngày 29/8/2016. Ly hôn bà Nguyễn Thị L là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Huỳnh Ngọc T1, Huỳnh Ngọc T2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung, tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng/02 con chung.

Sau khi ly hôn ông Huỳnh Ngọc T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

**2**. Về lệ phí Tòa án: Ông Huỳnh Ngọc T và bà Nguyễn Thị L chịu tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005688 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Ông T, bà L đã nộp đủ.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận***:
- VKSND H.Long Thành;
- Đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**Phạm Ngọc Quyền**